

Sổ tay doanh nghiệp



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CPTPP &

Ngành Thủy sản Việt Nam



Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam



Thông tin trong Sổ tay này chỉ phục vụ mục đích tham khảo. Để biết nội dung chuẩn xác của cam kết, doanh nghiệp cần tra cứu Văn kiện chính thức (bản tiếng Anh) của Hiệp định.

Mọi quan điểm trong Sổ tay này là của Nhóm tác giả, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform.



Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Ngành Thủy sản Việt Nam

Hà Nội, tháng 11 năm 2019

Lời mở đầu

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giữa 11 nước (bao gồm Australia, Brunei, Canada, Chi-lê, Malaysia, Mexico, Nhật Bản, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam) đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019.

Là một Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu chuẩn cao, mức cam kết mở cửa mạnh và có phạm vi cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại, đầu tư, quy tắc và thể chế, CPTPP dự kiến có tác động lớn tới hầu như tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế của Việt Nam.

Sổ tay doanh nghiệp “Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Ngành Thủy sản Việt Nam” nằm trong Tuyển tập 10 Sổ tay doanh nghiệp do Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Hợp phần “Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả CPTPP” của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform).

Sổ tay tóm tắt và diễn giải các cam kết CPTPP trong lĩnh vực thủy sản, đánh giá các tác động dự kiến của các cam kết này đối với triển vọng phát triển của ngành và đưa ra các khuyến nghị cơ bản để doanh nghiệp trong ngành có thể tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức từ Hiệp định quan trọng này.

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ về kỹ thuật của Chương trình Aus4Reform cho việc nghiên cứu, biên soạn và phổ biến Sổ tay này.

Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Mục lục

Phần thứ nhất

Các cam kết CPTPP liên quan tới ngành thủy sản Việt Nam 8

Mục 1 – Các cam kết về thuế nhập khẩu 10

- 1 CPTPP có cam kết như thế nào về thuế nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản 10
- 2 Các nước CPTPP cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với sản phẩm thủy sản Việt Nam như thế nào? 12
- 3 Việt Nam cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với thủy sản nhập khẩu từ các nước CPTPP như thế nào? 19
- 4 Lộ trình cắt giảm thuế quan thực tế của các nước Thành viên đã phê chuẩn CPTPP? 21

Mục 2 – Các cam kết khác trong CPTPP có ảnh hưởng đáng kể tới ngành thủy sản 23

- 5 Cam kết CPTPP về quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm thủy sản? 24
- 6 Cam kết CPTPP về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)? 27
- 7 Cam kết CPTPP về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)? 29
- 8 Cam kết CPTPP về môi trường và đánh bắt thủy sản? 31
- 9 Cam kết CPTPP về lao động? 33
- 10 Cam kết CPTPP về Sở hữu trí tuệ (SHTT)? 36

Phần thứ hai

Cơ hội, thách thức và khuyến nghị đối với ngành thủy sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập CPTPP 40

11 Hiện trạng ngành thủy sản Việt Nam 42

12 Tình hình xuất khẩu thủy sản Việt Nam? 45

13 Tình hình xuất nhập khẩu thủy sản giữa Việt Nam và các nước CPTPP 47

14 Triển vọng xuất khẩu thủy sản Việt Nam? 51

15 Cơ hội đối với ngành thủy sản Việt Nam từ CPTPP 54

16 Thách thức từ CPTPP đối với ngành thủy sản Việt Nam? 58

17 Thủy sản Việt Nam cần chú ý điều gì để tận dụng các cơ hội từ CPTPP? 59

Danh mục Từ viết tắt

AANZFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Australia, New Zealand
AJCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN – Nhật Bản
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	FTA về thương mại hàng hóa trong ASEAN
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
CTC	Chuyển đổi mã HS
EU	Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
IUU	Hoạt động đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định
MFN	Đối xử tối huệ quốc
SPS	Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
VASEP	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam
VCFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Chi-lê
VJEPa	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản
WTO	Tổ chức thương mại thế giới



Phần thứ nhất

Các cam kết CPTPP liên quan
tới ngành thủy sản Việt Nam



Mục 1

Các cam kết về thuế nhập khẩu



CPTPP có cam kết như thế nào về thuế nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản

Đối với các sản phẩm hàng hóa như thủy sản, cam kết quan trọng nhất trong các FTA là cam kết của mỗi nước Thành viên về thuế quan áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ nước Thành viên khác. Trong CPTPP cũng như vậy, cam kết về thuế nhập khẩu là cam kết đáng chú ý nhất.

Cam kết về thuế quan trong CPTPP được nêu tại:

- Lời văn của Chương 2 - Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa
- Các Phụ lục của Chương 2 - Lộ trình cắt giảm thuế quan của mỗi nước thành viên CPTPP (mỗi nước có một hoặc các Biểu cam kết riêng)

Về mức cam kết, trong CPTPP, các nước Thành viên đưa ra cam kết cắt giảm thuế quan khá mạnh đối với nhóm thủy sản:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi CPTPP có hiệu lực với phần lớn các dòng thuế quan đối với thủy sản ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
- Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình với một số sản phẩm thủy sản nhất định (từ 3 đến 16 năm tùy sản phẩm, tùy đối tác)

Ý nghĩa của cam kết về thuế quan đối với hàng nhập khẩu

Tương tự như bất kỳ FTA nào, cam kết về thuế quan trong CPTPP là cam kết của nước Thành viên về mức thuế nhập khẩu tối đa mà nước đó sẽ áp dụng cho từng loại hàng hóa nhập khẩu từ một nước Thành viên khác trong CPTPP.

Như vậy, nước thành viên CPTPP sẽ không thể áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước thành viên CPTPP khác mức thuế nhập khẩu cao hơn mức đã cam kết, theo lộ trình cam kết, nhưng nước thành viên CPTPP hoàn toàn có thể đơn phương hạ thuế quan xuống mức thấp hơn mức cam kết hoặc cắt giảm, loại bỏ thuế quan sớm hơn lộ trình cam kết.

Do đó, mức thuế áp dụng trên thực tế có thể bằng hoặc thấp hơn mức thuế cam kết, doanh nghiệp chỉ tham khảo mức cam kết trong CPTPP để biết mức thuế cao nhất có thể bị áp dụng, còn mức thuế thực tế áp dụng sẽ căn cứ vào Biểu thuế xuất nhập khẩu theo pháp luật nội địa của từng nước.



Các nước CPTPP cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với sản phẩm thủy sản Việt Nam như thế nào?

Trong CPTPP, mỗi nước Thành viên đưa ra một Biểu cam kết thuế quan riêng, áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các nước Thành viên còn lại (trừ một số hãn hữu các trường hợp áp dụng thuế riêng cho từng nước/nhóm nước cụ thể trong CPTPP).

Trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Hệ thống HS), thủy sản tươi và sơ chế thuộc Chương 3, còn các chế phẩm từ thủy sản thuộc các mã HS 16.04 và 16.05.

Các cam kết cắt giảm thuế quan cụ thể của thành viên CPTPP như sau:

Cam kết thuế quan của Australia và New Zealand

Trong CPTPP, Australia và New Zealand cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu với toàn bộ dòng thuế thủy sản của Việt Nam ngay khi CPTPP có hiệu lực.

Trước CPTPP, giữa Việt Nam và Australia, New Zealand đã có một FTA chung, là Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Australia, New Zealand (AANZFTA). Trong AANZFTA, cả hai đối tác này cũng đã cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi AANZFTA có hiệu lực (năm 2010), đối với toàn bộ sản phẩm thủy sản của Việt Nam.

Như vậy, đối với thủy sản, CPTPP không tạo thêm lợi thế về thuế quan nào mới tại thị trường Australia và New Zealand nhưng tạo thêm một lựa chọn về thuế quan ưu đãi cho doanh nghiệp.

Cam kết thuế quan của Canada

Trong CPTPP, Canada cam kết xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế quan thủy sản của Việt Nam.

Trước CPTPP, Việt Nam và Canada chưa có FTA chung nào; thủy sản Việt Nam thuộc diện áp dụng thuế MFN mà Canada áp dụng chung cho tất cả các thành viên WTO chưa có FTA với nước này. Tuy nhiên, mức thuế MFN của Canada đối với các sản phẩm thủy sản cũng tương đối thấp. Cụ thể, thuế MFN trung bình năm 2018 mà Canada áp dụng là:

- 0,65% đối với sản phẩm thủy sản thuộc Chương 3
- 4,28% đối với chế phẩm thủy sản mã HS 16.04, 16.05

Như vậy, CPTPP mang đến cho thủy sản Việt Nam lợi thế nhất định về thuế quan, có thể là đáng kể với một số dòng hàng hóa đang có mức thuế MFN cao. Tuy nhiên, cần chú ý là để tận dụng thuế quan ưu đãi, thủy sản Việt Nam phải đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP (trong khi thuế MFN không có điều kiện về quy tắc xuất xứ).

Cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia, Singapore

Trong CPTPP, Brunei, Malaysia và Singapore đều cam kết xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với tất cả các sản phẩm thủy sản của Việt Nam.

Tuy nhiên, tính đến hiện tại (10/2019), ngoại trừ Singapore đã phê chuẩn CPTPP, các cam kết của Brunei và Malaysia trong CPTPP hiện đều chưa có hiệu lực, chưa được áp dụng trên thực tế.

So sánh cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia và Singapore trong CPTPP và các FTA đã có với Việt Nam

Brunei, Malaysia, Singapore và Việt Nam đều là thành viên ASEAN. Vì vậy giữa Việt Nam với 03 nước này hiện đã có chung 06 FTA có cam kết về thuế quan đối với thủy sản, gồm:

- FTA về thương mại hàng hóa trong ASEAN (ATIGA)
- FTA ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)
- FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)
- FTA ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)
- FTA ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)
- FTA ASEAN – Úc và New Zealand (AANZFTA)

Trong 06 FTA này, ATIGA có mức cam kết loại bỏ thuế quan mạnh nhất, theo đó kể từ năm 2010, Brunei, Malaysia và Singapore đều đã xóa bỏ toàn bộ các dòng thuế về 0% cho Việt Nam, trong đó có thủy sản.

Do đó, cơ bản CPTPP không mang lại lợi ích thuế quan đáng kể nào đối với thủy sản xuất khẩu của Việt Nam ở các thị trường Brunei, Malaysia và Singapore mà chỉ tạo thêm một lựa chọn về thuế quan ưu đãi.

Cam kết thuế quan của Chi-lê

Trong CPTPP, Chi-lê cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với tất cả các sản phẩm thủy sản của Việt Nam. Tuy nhiên tính đến hiện tại (10/2019), Chi-lê chưa phê chuẩn CPTPP nên các cam kết này hiện chưa có hiệu lực trên thực tế.

Hiện giữa Việt Nam và Chi-lê đã có một Hiệp định thương mại tự do song phương (VCFTA). Trong FTA này, Chi-lê cũng đã xóa bỏ thuế quan đối với toàn bộ các dòng thuế thủy sản ngay khi VCFTA có hiệu lực (năm 2014).

Cam kết thuế quan của Mexico

Trong CPTPP, Mexico có cam kết mở cửa đối với thủy sản Việt Nam ở mức hạn chế nhất trong tất cả các đối tác CPTPP. Cụ thể, cam kết về thuế quan đối với thủy sản Việt Nam theo 02 nhóm:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với khoảng 41% (106/255) các sản phẩm thủy sản của Việt Nam
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 3-16 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với một số dòng thuế, cụ thể:
 - Lộ trình 3 năm với 17/255 dòng thuế (cá đông lạnh; phi lê đông lạnh của cá rô phi, cá tuyết, cá minh, cá bơn, cá trích, cá ngừ...)
 - Lộ trình 5 năm với 17/255 dòng thuế (cá hồi vân, cá rô phi, cá chép, cá da trơn, cá sòng, cá Minh Thái, cá tuyết xanh, cá đuối, cua...)
 - Lộ trình 10 năm với 87/255 dòng thuế
 - Lộ trình 12 năm với 6/255 dòng thuế
 - Lộ trình 13 năm với 4/255 dòng thuế
 - Lộ trình 15 năm với 5/255 dòng thuế (tôm hùm đá và các loại tôm biển không hun khói; tôm hùm; tôm đã bảo quản...)
 - Lộ trình 16 năm với 13/255 dòng thuế (tôm chưa hun khói; cá trích đóng hộp; cá trích đã bảo quản...)

So sánh CPTPP với thuế MFN của Mexico

Trước CPTPP, Việt Nam và Mexico chưa có FTA chung nào, do đó thủy sản Việt Nam nhập khẩu vào Mexico chịu thuế MFN mà Mexico áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO.

Mức thuế MFN mà Mexico áp dụng đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu là khá cao. Cụ thể, thuế MFN trung bình năm 2018 mà Mexico áp dụng như sau:

- 13,51% đối với thủy sản tươi Chương 3
- 18% đối với chế phẩm thủy sản có mã HS. 16.04, 16.05

Do đó, CPTPP được đánh giá là mang lại lợi ích thuế quan đáng kể cho thủy sản Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này.

Cam kết của Peru

Trong CPTPP, Peru cam kết xóa bỏ toàn bộ thuế quan đối với thủy sản Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Hiện Peru chưa phê chuẩn CPTPP, vì vậy các cam kết này đều chưa có hiệu lực.

Trước CPTPP, Peru và Việt Nam chưa có FTA chung nào, do đó thủy sản Việt Nam nhập khẩu vào Peru chịu thuế MFN mà Peru áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO. Mức thuế MFN trung bình năm 2018 mà Peru đang áp dụng đối với các nước WTO tương đối thấp:

- 0,12% đối với thủy sản tươi Chương 3
- 0% đối với chế phẩm thủy sản có mã HS. 16.04, 16.05

Do đó, CPTPP cũng mở thêm cơ hội cho thủy sản của Việt Nam sang thị trường này nhưng không đáng kể.

Cam kết thuế quan của Nhật Bản

Trong CPTPP, Nhật Bản có cam kết mở cửa đối với thủy sản khá dễ dặt. Cụ thể, cam kết về thuế quan đối với thủy sản Việt Nam theo 02 nhóm:

- Xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực với khoảng 65% (317/484) dòng sản phẩm thủy sản
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo lộ trình 6-16 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với một số dòng thuế thủy sản từ Việt Nam, cụ thể:
 - Lộ trình 6 năm với 44/484 dòng thuế
 - Lộ trình 8 năm với 3/484 dòng thuế (cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to và một số loại cá ngừ khác)
 - Lộ trình 11 năm với 109/484 dòng thuế
 - Lộ trình 16 năm với 11/484 dòng thuế (cá nishin, cá saba, cá cơm, cá thu, cá Minh Thái, cá nục...)

So sánh cam kết thuế quan của Nhật Bản trong CPTPP, AJCEP và VJEPA

Trước CPTPP, Việt Nam và Nhật Bản đã có 02 FTA chung hiện đang có hiệu lực là FTA ASEAN – Nhật Bản (AJCEP) và Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA). Trong đó VJEPA là FTA song phương, lại được đàm phán và có hiệu lực sau, nên có các cam kết về thuế quan cho Việt Nam cao hơn trong AJCEP. VJEPA có hiệu lực từ năm 2009, trong đó các sản phẩm thủy sản có cam kết cụ thể như sau:

- *Đối với các sản phẩm thủy sản sống thuộc chương 03:* một số sản phẩm được xóa bỏ thuế ngay sau khi có hiệu lực, phần lớn được cắt giảm theo lộ trình 5-10 năm, và có một vài sản phẩm không có cam kết xóa bỏ thuế.
- *Đối với các chế phẩm từ thủy sản mã HS 1604, 1605:* một số sản phẩm được xóa bỏ thuế ngay sau khi có hiệu lực, một số sản phẩm có lộ trình xóa bỏ thuế 3-10 năm và có một vài sản phẩm không có cam kết xóa bỏ thuế.

Như vậy, đối với các sản phẩm có cam kết cắt giảm loại bỏ thuế quan, mức cam kết trong CPTPP có thể không lớn bằng VJEPA (do lộ trình dài hơn). Tuy nhiên, CPTPP lại có mức mở cửa mạnh hơn VJEPA đối với các dòng sản phẩm mà trong VJEPA, Nhật Bản không cam kết xóa bỏ thuế.

Hơn nữa, quy tắc xuất xứ trong CPTPP khác với VJEPA, đặc biệt là ở nguyên tắc cộng gộp (trong CPTPP nguyên liệu có thể được cộng gộp từ cả 11 nước thành viên CPTPP trong khi VJEPA chỉ được cộng gộp nguyên liệu từ 2 nước là Việt Nam và Nhật Bản). Do đó, CPTPP sẽ cho doanh nghiệp thêm lựa chọn để áp dụng thuế quan ưu đãi.



Việt Nam cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với thủy sản nhập khẩu từ các nước CPTPP như thế nào?

Mức thuế cam kết trong CPTPP

Trong CPTPP, Việt Nam cam kết thuế quan cho thủy sản các nước CPTPP theo 02 nhóm:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với khoảng 83% (305/369) dòng sản phẩm thủy sản
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình đối với phần lớn các sản phẩm từ 4-11 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, cụ thể
 - Lộ trình 4 năm với 58/369 dòng thuế
 - Lộ trình 8 năm với 05/369 dòng thuế (cua chế biến không theo hình thức đóng hộp; cá hồi và cá nục hoa chế biến hoặc bảo quản)
 - Lộ trình 11 năm với 01/369 dòng thuế (cá trích dầu bảo quản không theo hình thức đóng hộp)

So sánh mức thuế cam kết trong CPTPP và các mức thuế hiện đang áp dụng

Trong số 10 đối tác CPTPP, Việt Nam đã có FTA đang có hiệu lực với 07 đối tác (gồm Nhật Bản, Australia, New Zealand, Chi-lê, Brunei, Malaysia, Singapore). Mức thuế quan đối với thủy sản mà Việt Nam cam kết trong các FTA này là tương đối cao.

Đối với Canada, Mexico và Peru (03 đối tác mà trước CPTPP chưa có FTA với Việt Nam), mức thuế MFN trung bình năm 2018 mà Việt Nam đang áp dụng đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ các nước này cũng khá cao:

- 12,63% đối với các sản phẩm thủy sản tươi thuộc Chương 3
- 29,21% đối với các chế phẩm thủy sản mã HS 1604, 1605

Do đó, CPTPP sẽ làm thay đổi đáng kể thuế nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản từ các nước CPTPP vào Việt Nam theo hướng giảm mạnh mức thuế cho các sản phẩm đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP.

Chú ý: Các cam kết về thuế quan của Việt Nam cho các đối tác trong CPTPP chỉ có hiệu lực đối với các đối tác đã phê chuẩn CPTPP, chưa có hiệu lực với các đối tác chưa phê chuẩn.



Lộ trình cắt giảm thuế quan thực tế của các nước Thành viên đã phê chuẩn CPTPP?

Để xác định mức thuế tối đa và lộ trình cắt giảm thuế bắt buộc của từng nước thành viên CPTPP cần căn cứ vào thời điểm có hiệu lực chung của CPTPP (thời điểm đủ 6 nước thành viên ban đầu phê chuẩn CPTPP), thời điểm có hiệu lực của CPTPP với từng nước phê chuẩn sau, và thỏa thuận giữa nước phê chuẩn ban đầu với nước phê chuẩn sau.

Cụ thể, tính đến ngày 30/10/2019 đã có 07 nước phê chuẩn CPTPP, trong đó:

- 06 nước phê chuẩn ban đầu là Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, Mexico, Singapore: CPTPP sẽ chính thức có hiệu lực đối với các nước này từ ngày 30/12/2018
- Việt Nam là nước thứ 7 phê chuẩn CPTPP: Hiệp định sẽ có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019

Cam kết CPTPP sẽ chưa áp dụng đối với các nước Thành viên chưa phê chuẩn CPTPP (và CPTPP chưa có hiệu lực với các nước này).

Đối với các nước mà CPTPP đã có hiệu lực, thỏa thuận về lộ trình cắt giảm thuế quan cụ thể giữa các nước này thực ra chỉ có ý nghĩa đối với các sản phẩm mà nước nhập khẩu cam kết loại bỏ thuế quan theo lộ trình (ví dụ cam kết năm 1 thuế tối đa là x%, năm 2 thuế tối đa là y%, năm 3 thuế tối đa là z%....). Đối với các sản phẩm mà nước nhập khẩu cam kết loại bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực thì thuế sẽ là 0% kể từ thời điểm CPTPP có hiệu lực.

Bảng

Tóm tắt Thỏa thuận về lộ trình cắt giảm thuế quan của 07 nước đã phê chuẩn CPTPP

Ngày	Lộ trình cắt giảm thuế quan
<i>Lộ trình của các nước phê chuẩn ban đầu cho Việt Nam</i>	
14/1/2019	Australia, Canada, New Zealand, và Singapore: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 (cắt giảm liền 2 năm) cho Việt Nam Nhật Bản, Mexico: Cắt giảm theo lộ trình năm 1 cho Việt Nam
1/4/2019	Nhật Bản: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Việt Nam
1/1/2020	Australia, Canada, New Zealand, và Singapore: Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Việt Nam Mexico: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Việt Nam
1/4/2020	Nhật Bản: Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Việt Nam
Các năm tiếp theo	Tương tự trên
<i>Lộ trình của Việt Nam cho các nước đã phê chuẩn ban đầu</i>	
14/1/2019	Cắt giảm theo lộ trình năm 2 (cắt giảm liền 2 năm) cho Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, và Singapore Cắt giảm theo lộ trình năm 1 cho Mexico
1/1/2020	Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, và Singapore Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Mexico
Các năm tiếp theo	Tương tự trên

Mục 2

Các cam kết khác
trong CPTPP có
ảnh hưởng đáng kể
tới ngành thủy sản



Cam kết CPTPP về quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm thủy sản?

Để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP, các sản phẩm thủy sản của Việt Nam phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ (QTXX) của Hiệp định.

Cam kết về QTXX trong CPTPP đối với thủy sản được quy định tại:

- Lời văn Chương 3 – Quy tắc xuất xứ (các quy tắc chung) và các thủ tục chứng nhận xuất xứ
- Phụ lục Chương 3 – Quy tắc xuất xứ cụ thể từng nhóm sản phẩm

Mục đích của quy tắc xuất xứ là để đảm bảo hàng hóa phải được sản xuất chủ yếu trong khu vực CPTPP thì mới được hưởng ưu đãi thuế quan của Hiệp định. Đối với thủy sản, khả năng đáp ứng các QTXX này phụ thuộc vào từng nhóm cụ thể:

- Đối với các sản phẩm thủy sản sử dụng nguyên liệu thủy sản nuôi trồng hoặc khai thác trên lãnh thổ Việt Nam, các nguyên liệu khác như bao bì đóng gói, một số chất phụ gia, chất bảo quản nếu có xuất xứ từ ngoài khu vực CPTPP giá trị cũng không đáng kể, việc đáp ứng QTXX của CPTPP là tương đối dễ dàng.
- Đối với các sản phẩm sử dụng nguyên liệu thủy sản nhập khẩu (hiện đây đang là xu hướng đáng chú ý, do tăng trưởng xuất khẩu thủy sản Việt Nam vượt tăng trưởng nuôi trồng/khai thác thủy sản), việc đáp ứng các quy tắc xuất xứ CPTPP có thể là vấn đề khó khăn.

Về nội dung QTXX

Chung: QTXX đối với phần lớn các sản phẩm thủy sản trong CPTPP là *Chuyển đổi mã HS (CTC)* ở cấp độ Chương hoặc Nhóm, tức là mã HS của thành phẩm phải khác mã HS của nguyên liệu không có xuất xứ ở cấp 2 số (nếu là chuyển đổi Chương) hoặc 4 số (nếu là chuyển đổi Nhóm)

Cụ thể:

- Đối với các sản phẩm thủy sản tươi và sơ chế thuộc Chương 3: QTXX đối với đa số các sản phẩm là Chuyển đổi Chương, hoặc Nhóm. Một số ít sản phẩm kết hợp Chuyển đổi Chương/Nhóm với Hàm lượng giá trị khu vực 40% hoặc 45% (sản phẩm phải đạt được một ngưỡng - ở đây là 40% hoặc 45% - về giá trị nguyên liệu tối thiểu ở trong khu vực CPTPP).
- Đối với các sản phẩm thủy sản chế biến thuộc Nhóm 16.04 và 16.06: QTXX chủ đạo là Chuyển đổi Chương. Một số ít sản phẩm thuộc Phân nhóm 16.04.20 (Cá đã được chế biến hoặc bảo quản cách khác): kết hợp Chuyển đổi Chương và Hàm lượng giá trị khu vực 40%.

Phụ lục Chương 3 CPTPP nêu cam kết về QTXX của sản phẩm theo mã HS của sản phẩm đó. Do đó để biết QTXX áp dụng đối với từng sản phẩm thủy sản cụ thể, cần tra cứu cam kết CPTPP về QTXX cụ thể đối với mã HS đó.

Về thủ tục chứng nhận xuất xứ

Cam kết chung của CPTPP về thủ tục chứng nhận xuất xứ là **tự chứng nhận xuất xứ** (nhà sản xuất, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu tự phát hành giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa nhập khẩu liên quan). Tuy nhiên CPTPP chấp nhận một số ngoại lệ và bảo lưu đối với thủ tục tự chứng nhận xuất xứ này.

Cụ thể, đối với hàng hóa CPTPP nhập khẩu vào Việt Nam, thủ tục chứng nhận xuất xứ sẽ như sau:

- *Trong 05 năm đầu kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam:*

Các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn chứng nhận xuất xứ theo một trong hai cơ chế:

- Cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận xuất xứ); hoặc
- Cơ chế *nhà xuất khẩu* tự chứng nhận xuất xứ

Chú ý: Sau khi hết thời hạn 05 năm, Việt Nam vẫn có thể duy trì mô hình song song 02 cơ chế chứng nhận xuất xứ này thêm tối đa 05 năm nữa (trước khi hết hạn 05 năm đầu ít nhất 60 ngày, Việt Nam thông báo với các đối tác CPTPP về việc gia hạn).

- *Từ năm thứ 05 kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam trở đi:*

Trừ khi có gia hạn như ở trên, kể từ thời điểm 05 năm sau khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam, Việt Nam sẽ chỉ áp dụng thủ tục tự chứng nhận xuất xứ. Cụ thể, các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn tự chứng nhận xuất xứ theo một trong 03 cơ chế sau:

- Nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ
- Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ
- Nhà sản xuất tự chứng nhận xuất xứ



Cam kết CPTPP về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)?

Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc về an toàn thực phẩm, ngăn chặn dịch bệnh mà nước nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu. Trong thực tế, cùng với thuế quan, SPS là nhóm biện pháp ảnh hưởng trực tiếp và lớn nhất tới hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

CPTPP có một Chương về SPS. Tuy nhiên, Chương này không có cam kết nào cụ thể liên quan trực tiếp tới các biện pháp SPS đối với thủy sản mà chỉ bao gồm các nguyên tắc liên quan tới SPS áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm.

Trong tổng thể các nước CPTPP sẽ tiếp tục giữ quyền chủ động trong việc ban hành và áp dụng các biện pháp SPS. CPTPP sẽ không làm gia tăng hay giảm bớt các yêu cầu về SPS của nước nhập khẩu đối với thủy sản nhập khẩu.

Ngoài ra, CPTPP có một số cam kết đáng chú ý sau:

- CPTPP tạo ra nhiều cơ hội hơn trong việc công nhận tương đương giữa các nước CPTPP và Việt Nam đối với các biện pháp SPS
- CPTPP có các cam kết cụ thể về quy trình thông tin liên quan tới các biện pháp khẩn cấp khi có các rủi ro nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe hoặc tính mạng con người, động vật hoặc thực vật (bao gồm cả trường hợp khẩn cấp về thực phẩm)
- CPTPP có cam kết cụ thể về quy trình (đặc biệt là các thời hạn) một nước Thành viên phê duyệt danh sách các cơ sở/đơn vị của các nước Thành viên khác đủ điều kiện về an toàn thực phẩm để nhập khẩu vào nước mình
- CPTPP nhấn mạnh tính minh bạch trong quá trình ban hành, thực hiện các biện pháp SPS



Cam kết CPTPP về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)?

Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó. Trên thực tế, thủy sản là đối tượng của khá nhiều các biện pháp TBT (ví dụ quy trình nuôi trồng/khai thác, dư lượng kháng sinh, độ hàm ẩm, bao gói, thông tin ghi nhãn...).

Chương TBT của CPTPP chủ yếu nhấn mạnh việc tuân thủ các nguyên tắc WTO về TBT (các nước có quyền ban hành TBT nhưng phải dựa trên các căn cứ khoa học xác đáng, khi soạn thảo phải lấy ý kiến bình luận, khi áp dụng phải công bằng không phân biệt đối xử ...) và bổ sung thêm một số chi tiết liên quan tới các yêu cầu về minh bạch trong WTO.

Ngoài ra, CPTPP có một số cam kết mới về TBT, trong đó có một số nội dung có thể có tác động tới hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản:

- Cam kết liên quan tới đánh giá sự phù hợp:** Các nước CPTPP không được đối xử phân biệt giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở tại các nước CPTPP với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình; không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình; không được yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ về chứng nhận sự phù hợp.

- **Về TBT đối với một số loại hàng hóa cụ thể:**

CPTPP có Phụ lục về các nguyên tắc ràng buộc các nước khi ban hành các quy định TBT đối với 07 nhóm hàng hóa, trong đó Phụ lục về Thực phẩm đóng gói và phụ gia thực phẩm dự kiến sẽ có tác động tích cực tới thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

Phụ lục về Thực phẩm đóng gói và phụ gia thực phẩm – Chương TBT của CPTPP

- Ghi nhận lại quyền của nước nhập khẩu trong việc yêu cầu các nhà sản xuất, xuất khẩu cung cấp thông tin trên bao bì thực phẩm đóng gói sẵn và phụ gia phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ Codex); và
- Yêu cầu nước nhập khẩu phải đảm bảo tính bảo mật thông tin liên quan đến các công thức độc quyền và liên quan đến các yêu cầu kỹ thuật về ghi nhãn



Cam kết CPTPP về môi trường và đánh bắt thủy sản?

CPTPP có một Chương riêng về môi trường với các cam kết liên quan tới chính sách pháp luật về môi trường, trong đó có 01 điều khoản liên quan trực tiếp tới ngành thủy sản (điều khoản về đánh bắt thủy sản). Trong khi đó, thủy sản là ngành có liên quan chặt chẽ tới môi trường, đặc biệt là vấn đề khai thác tài nguyên thủy sản và xử lý chất thải từ quá trình đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Vì vậy, dự kiến các cam kết CPTPP về môi trường sẽ có tác động nhất định tới ngành này.

Sau đây là một số tóm tắt các cam kết về môi trường trong CPTPP có thể ảnh hưởng đáng kể tới ngành thủy sản:

Các cam kết về xu hướng chính sách liên quan tới vấn đề môi trường

CPTPP ghi nhận quyền tự chủ của các nước Thành viên trong việc áp dụng và thực thi các chính sách, pháp luật, ưu tiên về môi trường, tuy nhiên yêu cầu các nước phải bảo đảm các định hướng sau:

- Nỗ lực bảo đảm có hệ thống pháp luật và chính sách môi trường bảo vệ môi trường ở mức cao, tiếp tục tăng mức bảo vệ môi trường
- Không từ chối thực thi pháp luật môi trường theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các nước Thành viên
- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ mức độ bảo vệ môi trường hoặc giảm nhẹ hiệu lực của các quy định về môi trường

Các cam kết liên quan tới việc đánh bắt thủy sản (đối với thủy sản khai thác)

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo đảm:

- Có hành động cụ thể nhằm đấu tranh chống lại tình trạng đánh bắt quá mức, bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)
- Phải tìm cách vận hành hệ thống quản lý nghề cá điều chỉnh hoạt động đánh bắt hải sản tự nhiên theo hướng ngăn ngừa đánh bắt quá mức, quá năng lực; giảm đánh bắt ngẫu nhiên các loài không phải mục tiêu và chưa trưởng thành; thúc đẩy phục hồi các loài đã bị người dân khai thác quá mức
- Không áp dụng các loại trợ cấp góp phần gây ra tình trạng khai thác quá mức và quá năng lực (ví dụ trợ cấp cho tàu cá đã bị liệt vào danh mục IUU...)



Cam kết CPTPP về lao động?

CPTPP có một Chương riêng về lao động với các cam kết liên quan tới các quyền cơ bản của người lao động, điều kiện lao động, xu hướng về tiêu chuẩn lao động. Trong khi đó, thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động, lại có môi trường lao động khá đặc thù (ví dụ môi trường nước, ẩm, lạnh, sử dụng hóa chất...). Vì vậy, dự kiến các cam kết CPTPP sẽ có tác động gián tiếp tới doanh nghiệp và người lao động trong ngành thủy sản.

Suy đoán là các cam kết của CPTPP về lao động sẽ có tác động nhất định tới ngành thủy sản, chủ yếu là theo hướng gián tiếp (do CPTPP không có cam kết về bất kỳ tiêu chuẩn lao động cụ thể nào).

Sau đây là một số tóm tắt các cam kết về lao động của CPTPP có thể ảnh hưởng đáng kể tới ngành thủy sản:

i. Nhóm cam kết về nguyên tắc, điều kiện lao động

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo đảm thông qua, duy trì và thực thi các quy định pháp luật về các nguyên tắc liên quan tới lao động thuộc 02 nhóm sau:

Nhóm các nguyên tắc lao động cơ bản trong Tuyên bố của ILO năm 1998, bao gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động
- Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc
- Cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Liên quan tới 04 nhóm nguyên tắc cơ bản này, ngoại trừ vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động, các nguyên tắc khác cơ bản đã được thể hiện ở các mức độ khác nhau trong pháp luật lao động Việt Nam hiện hành và đang được thực thi trên thực tế. Tuy nhiên, khi có CPTPP, việc thực thi suy đoán sẽ bị giám sát chặt chẽ hơn, và các chủ thể kinh doanh trong ngành thủy sản sẽ phải chú ý hơn tới việc tuân thủ đầy đủ pháp luật về lao động (đặc biệt với các trường hợp liên quan tới lao động trẻ em, lao động mùa vụ...).

Về vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động, đây là cam kết mới, chưa từng có trong pháp luật và thực tiễn Việt Nam, và hiện đang được bổ sung vào Bộ luật Lao động sửa đổi 2019. Đối với các doanh nghiệp thủy sản sử dụng nhiều lao động, khả năng có thể xuất hiện hai hoặc nhiều hơn các tổ chức đại diện người lao động trong cùng một cơ sở sản xuất, do đó doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị để có cơ chế trao đổi thông tin, thương lượng hoặc quan hệ khác với các tổ chức đại diện người lao động khác nhau (thay vì chỉ một tổ chức công đoàn như trước đây).

Nhóm các nguyên tắc về “điều kiện lao động chấp nhận được”

Nhóm này bao gồm các cam kết về việc bảo đảm “các điều kiện lao động chấp nhận được” về lương tối thiểu, giờ làm việc, các vấn đề về an toàn lao động và sức khỏe của người lao động.

CPTPP không có định nghĩa hay tiêu chuẩn cụ thể nào về “các điều kiện lao động chấp nhận được”. Vì vậy cơ bản các cam kết này sẽ không tạo ra tác động thay đổi quá lớn trong pháp luật Việt Nam liên quan tới các điều kiện lao động. Tuy nhiên, cũng như trên, khi có CPTPP, việc thực thi suy đoán sẽ bị giám sát chặt chẽ hơn, và các chủ thể kinh doanh ngành thủy sản sẽ phải chú ý hơn tới việc tuân thủ đầy đủ pháp luật về lao động ở khía cạnh này.

ii. Nhóm cam kết về các định hướng chính sách liên quan tới lao động

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên bảo đảm các định hướng sau trong xây dựng, thực thi pháp luật, chính sách về lao động:

- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách làm suy yếu hoặc hạ thấp những biện pháp bảo vệ trong pháp luật lao động
- Không từ chối thực thi pháp luật lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các nước Thành viên

Chú ý: Bên cạnh các nghĩa vụ chung nêu tại phần Lời văn của Chương Lao động nói trên, trong các Thư song phương giữa Việt Nam và các nước Thành viên CPTPP, Việt Nam đã bảo lưu một số vấn đề liên quan tới cơ chế giải quyết tranh chấp về các nghĩa vụ trong Chương lao động, đặc biệt là nghĩa vụ về quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể.



Cam kết CPTPP về Sở hữu trí tuệ (SHTT)?

CPTPP là một Hiệp định có tiêu chuẩn rất cao về SHTT. Đối với ngành thủy sản, các cam kết CPTPP về SHTT có liên quan trực tiếp là bảo hộ chỉ dẫn địa lý và độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm.

Chỉ dẫn địa lý

Chỉ dẫn địa lý, hiểu đơn giản là các chỉ dẫn về sản phẩm có nguồn gốc từ một khu vực hay vùng lãnh thổ nhất định, và là một đối tượng được bảo hộ SHTT. Đối với ngành thủy sản Việt Nam, cam kết về chỉ dẫn địa lý chủ yếu liên quan tới các sản phẩm như nước mắm, sản phẩm thủy sản khô...

Cam kết về chỉ dẫn địa lý trong CPTPP có 02 nội dung đáng chú ý sau:

- **Về cơ chế bảo hộ:** Các nước CPTPP có thể lựa chọn bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng hoặc bảo hộ theo cơ chế chung với nhãn hiệu thương mại.

Trên thực tế Việt Nam đã và đang bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng, không trùng với cơ chế bảo hộ nhãn hiệu thương mại.

- **Về quyền ưu tiên:** Trường hợp có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước (đã đăng ký trước hoặc đã trở nên nổi tiếng trước), mặc dù chỉ dẫn địa lý vẫn được bảo hộ nhưng quyền của chủ nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn.

Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với nông hóa phẩm

Nông hóa phẩm là các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, như thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón... Liên quan tới thủy sản, nông hóa phẩm sử dụng phổ biến là các loại thuốc cho thủy sản.

Cam kết SHTT đặc thù nhất trong CPTPP đối với nông hóa phẩm là cam kết về thời hạn bảo hộ đối với kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác về tính an toàn/hiệu quả của nông hóa phẩm chưa công khai – còn gọi là “Độc quyền dữ liệu” khi đăng ký lưu hành nông hóa phẩm.

Cụ thể, cam kết này bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Nếu người nộp đơn xin phép lưu hành một nông hóa phẩm mới phải cung cấp các kết quả thử nghiệm/dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm thì trong vòng 10 năm sau đó, cơ quan cấp phép sẽ không được dựa trên các thông tin này để cho phép người khác lưu hành nông hóa phẩm cùng loại/tương tự trừ khi được người đã cung cấp thông tin đồng ý
- Cam kết tương tự với trường hợp cấp phép lưu hành nông hóa phẩm dựa trên bằng chứng về việc đã được cấp phép lưu hành trên thị trường nước ngoài

Trong CPTPP, Việt Nam đã đạt được thỏa thuận với các nước thành viên CPTPP để không bị kiện ra cơ chế giải quyết tranh chấp của CPTPP trong vòng 05 năm sau năm thứ 5 kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực. Nói cách khác Việt Nam có 10 năm để chuẩn bị cho việc thực thi nghĩa vụ này.

Đánh giá về tác động của các cam kết về độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm:

- Tạo ra lợi thế lớn cho các chủ thể lần đầu đưa ra dữ liệu thử nghiệm khi đăng ký lưu hành nông hóa phẩm (bởi sau đó 10 năm, không ai được tự động sử dụng dữ liệu thử nghiệm đó nữa dù có thể dữ liệu thử nghiệm đó công khai, đáng tin cậy, và việc thử nghiệm lại cũng chỉ cho kết quả tương tự)
- Hạn chế khả năng đăng ký lưu hành với sản phẩm tương tự, qua đó khiến giá của nông hóa phẩm đã lưu hành ít có khả năng giảm do ít cạnh tranh





Phần thứ hai

Cơ hội, thách thức và
khuyến nghị đối với
ngành thủy sản Việt Nam
trong bối cảnh hội nhập
CPTPP



Hiện trạng ngành thủy sản Việt Nam

Với hệ thống sông ngòi dày đặc và lợi thế biển (bờ biển dài 3.260 km, vùng nội thủy và lãnh hải 226.000 km², vùng biển đặc quyền kinh tế hơn 1 triệu km², hơn 4.000 đảo, 12 vịnh, đầm phá với tổng diện tích 1.160 km²), thủy sản là ngành kinh tế thế mạnh truyền thống của Việt Nam. Trong quá trình hội nhập, thủy sản cũng là ngành năng động, đứng trong top các ngành xuất khẩu lớn và phát triển liên tục.

Về sản lượng

Sản lượng thủy sản Việt Nam tăng liên tục qua các năm, với mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 1995-2018 trung bình đạt 9,07%/năm. Năm 2018, tổng sản lượng thủy sản Việt Nam là gần 7,769 triệu tấn, tăng 6,2% so với năm 2017, bằng 170% so với cách đây 10 năm (2008) và cao gấp gần 5,8 lần so với năm 1995.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng nuôi trồng thủy sản giai đoạn 1995-2018 trung bình là 12,77%/năm, cao gần gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác thủy sản 6,44%/năm.

Tỷ trọng giữa thủy sản nuôi trồng và thủy sản khai thác tự nhiên được cải thiện mạnh trong những năm 1995-2008, giúp thủy sản nuôi trồng từ chỗ chỉ chiếm khoảng 30% tổng sản lượng thủy sản năm 1995, đến 2008 đã nâng lên đến 53% và tiếp tục giữ ở mức này trong những năm qua.

Về cơ cấu sản phẩm

Đối với thủy sản khai thác, khai thác biển chiếm tỷ trọng chủ yếu (gần 94% năm 2018), trong đó sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao là cá ngừ đại dương.

Đối với thủy sản nuôi trồng, cá tra là sản phẩm nuôi trồng chủ đạo (chiếm 34,3% tổng sản lượng), tiếp theo là tôm (chiếm 19,3%), cá rô phi, nhuyễn thể...

Về chuỗi sản xuất

Sản xuất thủy sản là sản xuất theo chuỗi, từ nuôi trồng thủy sản (gồm cả các khâu con giống, thức ăn thủy sản, thuốc cho thủy sản) hoặc khai thác thủy sản, đến chế biến thủy sản (gồm cả khâu đóng gói) và tiêu thụ (trong nước, xuất khẩu).

Theo Tổng cục Thủy sản và Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP), hiện ngành thủy sản có:

- Khoảng 2.422 cơ sở sản xuất giống tôm; 104 cơ sở sản xuất giống cá tra, 3.500 cơ sở ương dưỡng giống cá tra; 236 cơ sở sản xuất kinh doanh cá rô phi (số liệu năm 2017)
- Khoảng 130 nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản
- Khoảng 96.000 tàu cá, trong đó 48% là tàu nhỏ (chiều dài 6-12m), 98,6% là tàu gỗ, khoảng 3% tàu hậu cần; 82 cảng cá thuộc 27 tỉnh, thành phố ven biển
- Năm 2016, ngành thủy sản có 1.461 doanh nghiệp, tăng 27,4%; 256 hợp tác xã, tăng 30,0%; 711,4 nghìn hộ, giảm 1,2% so với năm 2011 (theo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2016)

Hiện tại khâu nuôi trồng/khai thác thủy sản chủ yếu được thực hiện bởi các hộ nuôi trồng/khai thác thủy sản. Khâu sản xuất thức ăn thủy sản, chế biến và tiêu thụ thủy sản được thực hiện bởi các doanh nghiệp thủy sản. Do tình trạng cắt khúc giữa khâu nuôi trồng/khai thác với khâu chế biến vẫn còn khá trầm trọng nên thường xuyên xảy ra tình trạng nguồn nguyên liệu thiếu hụt hoặc không bảo đảm chất lượng.

Về năng lực cạnh tranh

Hiện đang có sự phân hóa trong năng lực cạnh tranh giữa các khâu trong ngành thủy sản:

- **Nhóm nuôi con giống:** Chủ yếu là các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ với kỹ thuật hạn chế, việc chọn lọc tiêu chuẩn hóa thấp, dẫn tới chất lượng con giống không cao.
- **Nhóm sản xuất thức ăn thủy sản:** Hiện các nhà máy trong nước có thể đáp ứng được khoảng 85,6% nhu cầu thức ăn thủy sản trong nước. Tuy nhiên, thị phần thức ăn thủy sản hiện chủ yếu thuộc về các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đặc biệt là thức ăn cho tôm). Việt Nam chưa chủ động được nguồn nguyên liệu để sản xuất thức ăn thủy sản, với khoảng hơn 50% nguồn nguyên liệu vẫn đang phải nhập khẩu.
- **Nhóm nuôi trồng thủy sản:** Nhóm này vốn chủ yếu là các hộ nuôi độc lập – tuy nhiên gần đây đã bắt đầu xuất hiện các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với hộ nuôi hoặc doanh nghiệp chế biến tự đầu tư vùng nuôi để chủ động nguồn nguyên liệu đủ chất lượng đáp ứng nhu cầu chế biến xuất khẩu.
- **Nhóm chế biến thủy sản:** Đây là nhóm có năng lực cạnh tranh tốt nhất, cũng là nhóm sản xuất hàng hóa lớn, đi đầu trong hội nhập quốc tế của ngành nông nghiệp. Trên thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam được xếp vào nhóm có năng lực cạnh tranh mạnh trong lĩnh vực thủy sản. Do thói quen sử dụng thủy sản tươi sống của người Việt, thủy sản chế biến ít tiêu thụ nội địa (trừ một số sản phẩm đặc thù như nước mắm). Tuy nhiên, tình hình tiêu thụ thủy sản nội địa đang được cải thiện, tăng cả về lượng và giá trị và có sự thay đổi về cơ cấu sản phẩm (tăng tỷ trọng thủy sản đông lạnh so với nước mắm – năm 2018 thủy sản đông lạnh chiếm 35% tổng giá trị tiêu thụ nội địa, nước mắm 21,3%, bột cá 12,9%...).



Tình hình xuất khẩu thủy sản Việt Nam?

Thủy sản là ngành xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam. Trong suốt những năm qua, xuất khẩu thủy sản liên tục tăng cả về khối lượng và giá trị. Hiện Việt Nam đã xuất khẩu thủy sản đi khoảng 160 thị trường, trong đó 03 thị trường chính là Mỹ, EU và Nhật Bản (chiếm trên 50% kim ngạch xuất khẩu). Đã có những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh mạnh trên thị trường thế giới.

- **Về kim ngạch:**

Năm 2018 xuất khẩu các sản phẩm thủy sản đạt kim ngạch 8,4 tỷ USD, tăng 4,9% so với năm 2017, 22% so với năm 2015.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản trong thời gian gần đây (năm 2019) đang có dấu hiệu chững lại ở một số thị trường (ví dụ giảm ở EU do chính sách “thẻ vàng”, giảm ở Mỹ dưới tác động của căng thẳng thương mại và các biện pháp thuế chống bán phá giá, khó khăn ở Trung Quốc do cơ chế mới của nước này về kiểm soát chất lượng và bao bì...)

- **Về vùng sản xuất:** Vùng chế biến xuất khẩu thủy sản chủ yếu của Việt Nam là các tỉnh, thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long (chiếm tới trên 80% sản lượng xuất khẩu)
- **Về sản phẩm:** Sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là tôm, các loại cá (đặc biệt là cá tra-basa), động vật nhuyễn thể...
- **Về thị trường xuất khẩu:** Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN

Bảng

Top thị trường xuất khẩu các sản phẩm thủy sản Việt Nam năm 2018

Thị trường	Kim ngạch (triệu USD)	Tăng trưởng so với 2017
Mỹ	1.553,756	14,2%
EU	1.414,190	0,2%
Nhật Bản	1.316,662	5,5%
Hàn Quốc	823,366	10,1%
ASEAN	645,098	9,8%
Tất cả	8.404,757	4,9%

Nguồn: VASEP

Bảng

Top các sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam năm 2018

Sản phẩm	Kim ngạch (triệu USD)	Tăng trưởng so với 2017
Tôm các loại	3.398,716	-7,4%
Cá tra	2.152,910	26,3%
Cá ngừ	624,438	10,1%
Cá các loại khác	1.373,593	8,4%
Nhuễn thể	727,965	5,1%
Tất cả	8.404,757	4,9%

Nguồn: VASEP



Tình hình xuất nhập khẩu thủy sản giữa Việt Nam và các nước CPTPP

Xuất khẩu

Các nước CPTPP là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt khoảng 2,2 tỷ USD, chiếm khoảng 1/4 tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ra thế giới.

Trong nhóm CPTPP, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam, tiếp đến là Canada, Australia, Mexico, Malaysia và Singapore. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên còn lại giá trị chưa đáng kể.

Bảng **Xuất khẩu sản phẩm thủy sản của Việt Nam sang các nước CPTPP năm 2018**

STT	Tên nước	Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	Thị phần xuất khẩu (%)	Các sản phẩm xuất khẩu chính
1	Nhật Bản	1.383.610	16,03	Động vật giáp xác; Chế phẩm của động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối; Động vật thân mềm
2	Canada	240.567	2,79	Động vật giáp xác; Chế phẩm của động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đông lạnh
3	Australia	197.492	2,29	Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Chế phẩm của động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối; Động vật giáp xác
4	Mexico	115.630	1,34	Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đông lạnh; Động vật thân mềm; Chế phẩm của động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối
5	Malaysia	113.934	1,32	Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đông lạnh; Cá muối, sấy khô hoặc hun khói; Động vật thân mềm
6	Singapore	112.793	1,31	Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Động vật giáp xác; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối; Chế phẩm từ động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác
7	Chi-lê	21.044	0,24	Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối; Chế phẩm từ động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Cá đông lạnh
8	New Zealand	20.181	0,23	Động vật giáp xác; Chế phẩm từ động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối
9	Peru	8.405	0,1	Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác
10	Brunei	1.676	0,02	Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Cá đông lạnh
Tổng CPTPP		2.215.332	25,67	

Nguồn: Trademap, truy cập tháng 10/2019

Nhập khẩu

Năm 2018, Việt Nam nhập khẩu khoảng 270 triệu USD thủy sản từ các nước CPTPP, chiếm khoảng 17,41 % tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Việt Nam. Một tỷ lệ lớn khối lượng nhập khẩu là nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến xuất khẩu.

Trong các thị trường CPTPP, Nhật Bản là thị trường Việt Nam nhập khẩu nhiều sản phẩm thủy sản nhất, tiếp đến lần lượt là Chi-lê, Canada và Australia.

Bảng **Nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Việt Nam từ các nước CPTPP năm 2018**

STT	Tên nước	Giá trị nhập khẩu (nghìn USD)	Thị phần nhập khẩu (%)	Các sản phẩm nhập khẩu chính
1	Nhật Bản	108.102	6,96	Cá đông lạnh; Đông vật thân mềm; Chế phẩm từ đông vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác; Động vật giáp xác
2	Chi-lê	63.624	4,1	Cá đông lạnh; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Đông vật thân mềm; Cá muối, sấy khô hoặc hun khói;
3	Canada	42.471	2,73	Đông vật giáp xác; Cá tươi hoặc làm mát; Đông vật thân mềm; Cá đông lạnh
4	Australia	16.870	1,09	Đông vật giáp xác; Cá đông lạnh; Cá tươi hoặc làm mát; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác
5	Singapore	11.706	0,5	Đông vật giáp xác; Cá đông lạnh; Cá muối, sấy khô hoặc hun khói; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối;
6	New Zealand	10.662	0,69	Cá đông lạnh; Đông vật thân mềm; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Đông vật giáp xác
7	Malaysia	7.697	0,5	Cá đông lạnh; Đông vật giáp xác; Đông vật thân mềm; Cá đã chế biến hoặc bảo quản, trứng cá muối;
8	Mexico	5.486	0,35	Đông vật thân mềm; Cá đông lạnh; Đông vật giáp xác
9	Peru	3.686	0,24	Đông vật thân mềm; Cá phi lê và các loại thịt cá chế biến khác; Đông vật giáp xác
10	Brunei	1.43	0,01	Cá đông lạnh
Tổng CPTPP		270.447	17,41	

Nguồn: Trademap ITC, truy cập tháng 10/2019



Triển vọng xuất khẩu thủy sản Việt Nam?

Các lợi thế

Thủy sản Việt Nam đang có vị thế cạnh tranh mạnh mẽ trên thế giới. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, triển vọng xuất khẩu của thủy sản Việt Nam trong thời gian tới vẫn rất sáng sủa, chủ yếu dựa vào các nhân tố sau:

- **Về thị trường**

- Việt Nam đang và sẽ có 16 Hiệp định thương mại tự do với khoảng 56 đối tác thương mại, trong đó có những thị trường xuất khẩu thủy sản trọng điểm (Nhật Bản, EU, Hàn Quốc, ASEAN...); các FTA này tạo ra cơ hội ưu đãi thuế quan, qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh về giá cho thủy sản xuất khẩu Việt Nam
- Tỷ trọng của thủy sản Việt Nam trong kim ngạch nhập khẩu thủy sản của nhiều thị trường còn rất khiêm tốn, do đó còn nhiều dư địa phát triển thị trường (kể cả các thị trường hiện có và thị trường tiềm năng)

- **Về năng lực sản xuất và cạnh tranh**

- Việt Nam có nguồn nguyên liệu lớn và tương đối ổn định, đặc biệt có tiềm năng tiếp tục phát triển diện tích nuôi biển, nuôi sinh thái các giống loài thủy hải sản tạo nguồn cung lớn
- Sản phẩm thủy sản của Việt Nam đa dạng và có ưu thế về sản lượng (đặc biệt là tôm sú và cá tra); đồng thời vẫn còn tiềm năng đa dạng hóa các sản phẩm thủy sản xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng

- Lực lượng lao động ngành thủy sản của Việt Nam lớn, tương đối lành nghề và có kinh nghiệm sản xuất
- Công nghệ chế biến thủy sản đạt trình độ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu khắt khe của khách hàng; nhiều cơ sở đã kiểm soát được hệ thống chuỗi sản xuất bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế
- Các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam có nhiều kinh nghiệm trong đáp ứng các yêu cầu, thủ tục của thị trường xuất khẩu cũng như tiếp cận hệ thống phân phối ở các thị trường (kể cả các thị trường khó tính nhất)

Các hạn chế

Mặc dù có nhiều lợi thế, để tiếp tục phát triển xuất khẩu ổn định và bền vững, ngành chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam cần phải giải quyết các hạn chế đang cản trở hiệu quả xuất khẩu của ngành, đặc biệt là các vấn đề sau đây:

- **Rủi ro ở các thị trường xuất khẩu**
 - Các yêu cầu ngày càng khắt khe hơn về tiêu chuẩn, chất lượng, vệ sinh an toàn sản phẩm thủy sản cũng như quy trình nuôi trồng, chế biến
 - Các yêu cầu cao về tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với thủy sản đánh bắt trên biển (ví dụ vấn đề thẻ vàng EU đối với thủy sản Việt Nam)
 - Nguy cơ các vụ điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ đối với thủy sản Việt Nam ở các thị trường (đặc biệt khi thủy sản Việt Nam có năng lực cạnh tranh tương đối mạnh, đe dọa ngành thủy sản nội địa của các thị trường xuất khẩu)

- **Bất cập trong năng lực nội tại**

- Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm của thị trường xuất khẩu còn thiếu ổn định, không bền vững
- Chưa bảo đảm được nguồn giống, chất lượng nguồn giống, cũng như quy trình kiểm soát, kiểm dịch giống thủy sản
- Chất lượng nguồn nguyên liệu thủy sản (đặc biệt là tôm) chưa ổn định, không đồng đều, khó kiểm soát về chất lượng và truy xuất nguồn gốc
- Khả năng chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng còn hạn chế (chủ yếu xuất khẩu dạng nguyên liệu, sơ chế, bán thành phẩm tươi/sống/đông lạnh)
- Khả năng tận dụng các phụ phẩm trong quá trình chế biến thủy sản (ví dụ đầu, xương, da, vây, nội tạng, mỡ...) còn hạn chế (ví dụ mới chỉ tận dụng sản xuất sản phẩm thô, chưa có những sản phẩm cao cấp dùng trong dược phẩm hoặc mỹ phẩm như tinh dầu cá, gelatine, thực phẩm chức năng chứa vitamin... có giá trị gia tăng cao)
- Việc đầu tư cho chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng (ví dụ đầu tư công nghệ, trang thiết bị xử lý cá ngừ để bảo quản sản phẩm ăn liền, tươi sống...) còn hạn chế, dẫn tới lợi nhuận thu được từ sản phẩm thủy sản chưa cao



Cơ hội đối với ngành thủy sản Việt Nam từ CPTPP

Với việc CPTPP có hiệu lực, ngành thủy sản Việt Nam đang có những cơ hội quan trọng để phát triển, gia tăng xuất khẩu sang các thị trường CPTPP, đặc biệt là:

Cơ hội tiếp cận các thị trường xuất khẩu CPTPP

Các cam kết cắt giảm thuế quan mạnh của các đối tác CPTPP cho thủy sản Việt Nam sẽ giúp nhóm hàng hóa này có thêm nhiều cơ hội tiếp cận các thị trường này đặc biệt là khi:

- Trong số các đối tác CPTPP có những thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam (Nhật Bản, Malaysia, Singapore...), và những thị trường tiềm năng do Việt Nam chưa có FTA (Canada – thị trường lớn, Mexico – thị trường đang duy trì thuế cao)
- Trong số các sản phẩm thủy sản được các đối tác CPTPP loại bỏ thuế ngay khi Hiệp định này có hiệu lực có nhiều sản phẩm mũi nhọn xuất khẩu của Việt Nam (ví dụ tôm đông lạnh (HS 030617) và tôm chế biến (HS 160521), cá ngừ vây vàng, cá ngừ sọc dưa, cá kiếm, một số loài cá tuyết, surimi, tôm, cua ghẹ...), các sản phẩm thế mạnh khác cũng sẽ được hưởng mức giảm thuế dẫn dần qua từng năm và miễn thuế khi hết lộ trình
- Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ trong CPTPP có nhiều điểm linh hoạt, thuận lợi hơn cho doanh nghiệp
- Dư địa thị trường thủy sản nhập khẩu ở các nước CPTPP cho thủy sản Việt Nam vẫn còn rất lớn (xem Bảng)

Ngoài ra, việc Việt Nam loại bỏ thuế nhập khẩu đối với thủy sản từ các nước CPTPP cũng là cơ hội cho ngành thủy sản giảm chi phí đầu vào đối với nguyên liệu thủy sản nhập khẩu để phục vụ chế biến xuất khẩu.

Bảng

Thị phần thủy sản của Việt Nam trong nhập khẩu của các nước CPTPP

Đối tác	Mã HS	Giá trị NK từ Việt Nam (nghìn USD)	Giá trị NK từ thế giới (nghìn USD)	Thị phần của thủy sản Việt Nam
Australia	Chương 3 - Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	116.527	851.222	13,69%
	Sản phẩm thuộc các Nhóm 16.04, 16.05 – Chế phẩm từ cá	80.451	652.339	12,33%
Brunei	Sản phẩm Chương 3	1.688	39.959	4,22%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	0	7.947	0%
Canada	Sản phẩm Chương 3	163.530	2.228.733	7,34%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	68.970	581.598	30,73%
Chi-lê	Sản phẩm Chương 3	14.692	75.744	19,40%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	4.402	185.353	2,37%
Nhật Bản	Sản phẩm Chương 3	573.163	11.864.088	4,83%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	447.581	3.165.932	14,14%
Mexico	Sản phẩm Chương 3	116.685	697.005	16,74%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	1.310	199.264	0,66%
Malaysia	Sản phẩm Chương 3	116.891	886.463	13,19%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	5.831	117.543	4,96%
New Zealand	Sản phẩm Chương 3	14.201	101.473	13,99%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	6.658	89.963	7,40%
Peru	Sản phẩm Chương 3	6.357	232.287	2,74%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	3.845	71.248	5,40%
Singapore	Sản phẩm Chương 3	93.546	870.676	10,74%
	Sản phẩm mã HS 16.04-16.05	30.322	285.410	10,62%

Nguồn: Trademap, truy cập tháng 10/2019

Cơ hội từ môi trường kinh doanh được cải thiện

CPTPP cùng với các cam kết về quy tắc, thể chế, đặc biệt là trong các thủ tục xuất nhập khẩu và môi trường kinh doanh sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam nói chung, qua đó giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp. Điều này là rất có ý nghĩa với các ngành chế biến và xuất khẩu thủy sản, loại sản phẩm là đối tượng của các biện pháp chặt chẽ về kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh.

Ngoài ra, những cải cách về thể chế dưới sức ép, đòi hỏi từ CPTPP cũng tạo điều kiện thu hút thêm đầu tư trong nước và nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp nói chung và thủy sản nói riêng.

Cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ

Ngành thủy sản là một ngành sử dụng nhiều lao động, phần lớn là lao động ở khu vực nông thôn (nơi có các lồng nuôi thủy sản và đặt nhà xưởng chế biến). Một tỷ lệ đáng kể lao động trong ngành là lao động nữ (đặc biệt trong quy trình chế biến thủy sản). Nhiều doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản cũng do nữ làm chủ.

Do đó, thông qua việc thúc đẩy xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang các nước CPTPP, Hiệp định này mang đến cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động trong khu vực này, đặc biệt là:

- Góp phần giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở các khu vực nông thôn, từ đó giảm tình trạng lao động di cư
- Cải thiện việc làm và thu nhập cho người lao động nữ ở nông thôn, qua đó nâng cao tiếng nói và vai trò của nhóm này và giảm tình trạng phân biệt đối xử về giới
- Tạo thêm cơ hội phát triển và lợi nhuận cho doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu, trong đó có doanh nghiệp do nữ làm chủ

Cơ hội giảm các rào cản phi thuế quan ở các thị trường CPTPP

Mặc dù các cam kết về hàng rào phi thuế quan (đặc biệt là các biện pháp TBT, SPS) trong CPTPP không giúp giảm bớt các hàng rào này ở các thị trường CPTPP với thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam, các cam kết liên quan của Hiệp định cũng giúp tạo thuận lợi cho việc tuân thủ của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam thông qua việc:

- Nâng cao tính minh bạch, khả năng dự đoán trước của các biện pháp kiểm soát đối với thủy sản nhập khẩu
- Tăng cường các quy trình hợp tác để giải quyết các vướng mắc liên quan tới thủy sản nhập khẩu
- Tạo thuận lợi về thủ tục hải quan và các quy trình xuất nhập khẩu khác

Cơ hội cắt giảm chi phí sản xuất, cải thiện năng lực cạnh tranh

Trong CPTPP, Việt Nam đưa ra khá nhiều các cam kết trong các lĩnh vực dịch vụ, thể chế có thể giúp các doanh nghiệp sản xuất, trong đó có ngành chế biến xuất khẩu thủy sản, tiết kiệm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, ví dụ:

- Các cam kết mở cửa các thị trường dịch vụ phục vụ sản xuất như tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán), viễn thông, logistics...ở mức cao hơn WTO sẽ giúp cạnh tranh trong các lĩnh vực này tốt hơn, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp sản xuất tiếp cận các dịch vụ này với chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn, từ đó giảm chi phí dịch vụ trong giá thành sản phẩm
- Các cam kết thúc đẩy môi trường cạnh tranh, các phương thức thương mại hiện đại, hỗ trợ doanh nghiệp (cạnh tranh, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa...) là điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cải thiện cải thiện năng lực cạnh tranh, tiếp cận tốt hơn với khách hàng



Thách thức từ CPTPP đối với ngành thủy sản Việt Nam?

Đối với thị trường nội địa

Trong số các nước thành viên CPTPP có một số đối tác rất mạnh về xuất khẩu thủy sản (ví dụ Chi-lê đứng thứ 5 thế giới, Canada thứ 7 thế giới). Do đó việc mở cửa thị trường thủy sản Việt Nam cho các nước CPTPP có thể khiến cạnh tranh gia tăng trong thị trường nội địa, tạo ra thách thức nhất định cho ngành thủy sản. Trên thực tế, một số sản phẩm thủy sản nhập khẩu, đặc biệt là từ các nước CPTPP (như Nhật, Canada...) đang bắt đầu có ưu thế nhất định trong lựa chọn của người tiêu dùng Việt Nam (đặc biệt là thương hiệu, loại sản phẩm đặc thù).

Mặc dù vậy, ít nhất trong tương lai gần, áp lực cạnh tranh từ CPTPP có thể không quá lớn (chủ yếu do thị trường Việt Nam phần lớn ưa chuộng sản phẩm thủy sản tươi, và trong tổng thể các vấn đề về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy sản không quá gay gắt...).

Đối với thị trường xuất khẩu

Mặc dù có nhiều cơ hội trong xuất khẩu, ngành thủy sản vẫn đứng trước những thách thức nhất định:

- Khả năng hưởng ưu đãi thuế quan trong CPTPP phụ thuộc vào khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ đối với từng nhóm hàng thủy sản
- Xu thế gia tăng bảo hộ trên thế giới dưới nhiều dạng thức khác nhau, đặc biệt là nguy cơ lạm dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp, cũng bắt đầu xuất hiện ở các nước CPTPP
- Nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước CPTPP, có xu hướng thắt chặt các yêu cầu về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường biển... qua đó áp đặt các điều kiện khắt khe hơn về mô hình, cách thức khai thác thủy sản



Thủy sản Việt Nam cần chú ý điều gì để tận dụng các cơ hội từ CPTPP?

Giải pháp tận dụng cơ hội từ CPTPP

CPTPP có nhiều cam kết có lợi cho xuất khẩu thủy sản. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ càng các nội dung liên quan của CPTPP để có thể tận dụng được tối đa các lợi ích của Hiệp định:

- **Tìm hiểu cam kết thuế quan** của từng nước thành viên CPTPP trong Phụ lục 2-D thuộc Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa của Hiệp định. Cần lưu ý là các cam kết trong CPTPP là cam kết tối thiểu của các nước thành viên. Trên thực tế, các nước có thể cắt giảm thuế quan cao hơn cam kết tùy nhu cầu. Do đó, để biết chính xác nhất mức thuế quan của một nước thành viên CPTPP áp dụng đối với từng mặt hàng thủy sản Việt Nam thì doanh nghiệp cần kiểm tra biểu thuế quan ưu đãi theo CPTPP của nước đó áp dụng cho từng năm cụ thể.

Ngoài ra, cần chú ý rằng với nhiều thị trường, Việt Nam đã có một hoặc một số FTA khác ngoài CPTPP. Do đó bên cạnh CPTPP, doanh nghiệp cần tìm hiểu cả các cam kết thuế quan trong các FTA khác liên quan để lựa chọn FTA có lợi nhất về thuế quan cho mình (cùng với điều kiện về xuất xứ thích hợp nhất).

- **Tìm hiểu các quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ** để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP trong Chương 3 – Quy tắc xuất xứ và các thủ tục chứng nhận xuất xứ của Hiệp định.
- **Tìm hiểu các vấn đề liên quan khác** như Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại (Chương 5), Phòng vệ thương mại (Chương 6), Các biện pháp SPS (Chương 7), TBT (Chương 8).

Giải pháp ứng phó với các biện pháp, yêu cầu của thị trường xuất khẩu

Với đặc thù về sản phẩm (có gắn bó chặt chẽ với các vấn đề về môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học) và ngành (năng lực cạnh tranh tương đối mạnh), thủy sản xuất khẩu của Việt Nam luôn cần chú ý xử lý tốt các biện pháp khác nhau ở các thị trường, đặc biệt là:

- Bảo đảm thực hiện nghiêm các yêu cầu về kiểm soát, thống kê và các quy trình khác liên quan tới khai thác, đánh bắt thủy sản (tránh tình trạng bị xếp vào diện kiểm soát chặt như “thẻ vàng” mà EU áp dụng)
- Thường xuyên theo dõi sát các động thái tại thị trường xuất khẩu, đặc biệt liên quan tới các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp...), các hàng rào TBT, SPS (các chương trình giám sát, kiểm tra, yêu cầu bắt buộc về quy trình/chuỗi sản xuất...) để nhanh chóng chuẩn bị ứng phó/tuân thủ
- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong các hoạt động liên quan tới việc tiếp cận các thị trường (danh sách doanh nghiệp được phép xuất khẩu vào một thị trường; danh mục các sản phẩm thủy sản Việt Nam được phép xuất khẩu vào một thị trường...)

Giải pháp chung về năng lực cạnh tranh

Để xuất khẩu sang các thị trường CPTPP nói riêng và thế giới nói chung, thủy sản Việt Nam buộc phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của từng thị trường nhập khẩu, đặc biệt là các tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm. Do đó, từng doanh nghiệp và ngành thủy sản cần tập trung khắc phục các hạn chế hiện tại liên quan tới vấn đề này, đặc biệt là:

- Xây dựng chuỗi cung bền vững về giống thủy sản, trong đó bảo đảm kiểm soát chất lượng giống

- Cải thiện năng lực sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản, thuốc cho thủy sản, từ đó hạ thấp giá thành sản phẩm để người nuôi thủy sản có thể tiếp cận, không sử dụng các nguồn thức ăn, thuốc trôi nổi, kém chất lượng
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình nuôi trồng, sử dụng thức ăn và thuốc cho thủy sản
- Hỗ trợ ngư dân, các tàu cá tiếp cận, áp dụng công nghệ trong xử lý sản phẩm thủy sản khai thác theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của thủy sản
- Chú ý bảo đảm tuân thủ các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn lao động của ngành chế biến thủy sản

SỔ TAY DOANH NGHIỆP

HIỆP ĐỊNH

ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)
VÀ NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
Nguyễn Minh Huệ

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Biên tập: Tôn Nữ Thanh Bình
Chế bản: Nguyễn Thái Dũng
Trình bày bìa: Thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3934 1562 Fax: 024-3938 7164
Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com>
E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 12x22 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 14 ngõ 464 Đ.Ấu Cơ, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 4749-2019/CXBIPH/06-199/CT
Số Quyết định xuất bản: 318/QĐ-NXBCT ngày 22 tháng 11 năm 2019
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2019
Mã số ISBN: 978-604-9885-11-2

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459

Email: banthuky@trungtamwto.vn

www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn



TUYỂN TẬP SỔ TAY DOANH NGHIỆP VỀ CPTPP

1. CPTPP & Ngành Logistics Việt Nam
2. CPTPP & Ngành Phân phối – Thương mại Điện tử Việt Nam
3. CPTPP & Ngành Viễn thông Việt Nam
4. CPTPP & Ngành Rau quả Việt Nam
5. CPTPP & Ngành Chăn nuôi và chế biến thịt Việt Nam
6. CPTPP & Ngành Thủy sản Việt Nam
7. CPTPP & Ngành Dệt may Việt Nam
8. CPTPP & Ngành Da giày Việt Nam
9. CPTPP & Ngành Chế biến xuất khẩu Gỗ Việt Nam
10. CPTPP & Ngành Đồ uống Việt Nam

ISBN: 978-604-988-511-2



9 786049 885112